

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HOÀNG HUY

Báo cáo quý III năm tài chính 2019

Và lũy kế từ ngày 1/4/2019 đến ngày 31/12/2019

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính riêng	04 - 44
Bảng cân đối kế toán riêng	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	06 - 07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch	
Ông: Vũ Trọng Long	Thành viên HĐQT độc lập	
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Thành viên	
Bà: Nguyễn Thị Hà	Thành viên	
Bà: Phạm Hồng Dung	Thành viên	
Bà: Phan Thị Phương Thủy	Thành viên HĐQT độc lập	(Bổ nhiệm ngày 15/06/2019)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Hồ Thị Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hường	Thành viên
Ông: Nguyễn Hoàng Tùng	Thành viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Đỗ Hữu Hạ
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/04/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.083.616.455.983	1.034.532.782.857
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	54.825.277.166	194.948.804.389
111	1. Tiền		54.825.277.166	194.948.804.389
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	503.700.000.000	299.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		503.700.000.000	299.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		553.176.482.584	342.954.330.570
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	55.732.318.160	52.141.182.625
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	111.106.916.194	90.102.873.083
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	386.337.248.230	200.710.274.862
140	IV. Hàng tồn kho	08	1.894.342.763.633	186.792.250.338
141	1. Hàng tồn kho		1.894.342.763.633	186.792.250.338
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		77.571.932.600	10.837.397.560
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	9.873.021.853	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		67.423.588.114	10.832.397.560
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	275.322.633	5.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.687.687.757.333	4.357.963.052.002
220	I. Tài sản cố định		70.133.463.823	76.815.216.050
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	17.370.755.239	23.903.380.225
222	- Nguyên giá		51.738.681.604	56.643.313.604
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.367.926.365)	(32.739.933.379)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	52.762.708.584	52.911.835.825
228	- Nguyên giá		56.329.385.890	56.329.385.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.566.677.306)	(3.417.550.065)
230	II. Bất động sản đầu tư	12	250.621.185.147	252.509.071.462
231	- Nguyên giá		271.141.197.992	271.141.197.992
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(20.520.012.845)	(18.632.126.530)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	09	438.314.236.393	789.697.303.429
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		438.314.236.393	789.697.303.429
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	04	2.928.618.871.970	3.238.260.551.970
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.707.767.970.000	1.499.409.650.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.220.850.901.970	1.738.850.901.970
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	680.909.091
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	-	680.909.091
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.771.304.213.316	5.392.495.834.859

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/04/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.960.858.667.978	1.546.448.559.783
310	I. Nợ ngắn hạn		1.887.604.300.486	491.819.388.532
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	8.893.707.565	13.952.622.689
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	423.387.015.389	210.439.884.837
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	35.817.449.804	3.413.965.163
314	4. Phải trả người lao động		-	57.000.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	132.433.041.118	3.063.194.929
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	1.190.823.784	1.821.386.253
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.128.284.666.763	194.406.945.000
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	157.460.000.000	64.526.793.598
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
330	II. Nợ dài hạn		1.073.254.367.492	1.054.629.171.251
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	504.027.136.249	500.563.822.249
339	2. Trái phiếu chuyển đổi	21	569.227.231.243	554.063.349.002
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.810.445.545.338	3.846.047.275.076
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	3.810.445.545.338	3.846.047.275.076
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
413	2. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		44.370.685.998	44.370.685.998
415	3. Cổ phiếu quỹ		(219.996.488.178)	(219.996.488.178)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		356.131.207.518	391.732.937.256
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		147.975.558.096	228.584.446.591
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		208.155.649.422	163.148.490.665
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.771.304.213.316	5.392.495.834.859

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/12/2019

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	588.723.539.098	123.315.694.853	1.271.093.447.513	527.739.440.413
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	822.921.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		588.723.539.098	123.315.694.853	1.271.093.447.513	526.916.519.413
11	4. Giá vốn hàng bán	25	375.022.730.380	93.383.702.607	786.779.847.610	376.756.765.707
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		213.700.808.718	29.931.992.246	484.313.599.903	150.159.753.706
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	20.140.575.619	456.007.359	119.588.359.459	8.779.703.726
22	7. Chi phí tài chính	27	23.459.418.599	2.326.531.193	46.052.436.724	2.686.738.556
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.853.732.767	2.323.426.693	40.179.662.969	2.638.806.713
25	8. Chi phí bán hàng	28	14.123.865.739	1.878.831.330	29.872.981.306	5.152.939.426
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	6.245.159.229	5.390.080.162	14.393.361.143	12.587.036.992
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		190.012.940.770	20.792.556.920	513.583.180.189	138.512.742.458
31	11. Thu nhập khác	30	31.500.276	3.060.263.619	2.414.834.301	5.913.541.423
32	12. Chi phí khác		-	82.615.800	116.266.120	1.165.232.577
40	13. Lợi nhuận khác		31.500.276	2.977.647.819	2.298.568.181	4.748.308.846

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/12/2019

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND	Từ 01/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019 VND	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018 VND
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		190.044.441.046	23.770.204.739	515.881.748.370	143.261.051.304
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	38.008.888.209	4.770.564.108	88.600.040.886	28.885.256.581
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>152.035.552.837</u>	<u>18.999.640.631</u>	<u>427.281.707.484</u>	<u>114.375.794.723</u>

Người lập biểu

Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng

Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2020



Đỗ Hữu Hạ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/12/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2019	Từ 01/04/2018
			đến 31/12/2019	đến 31/12/2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		515.881.748.370	143.261.051.304
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(75.219.057.933)	(1.521.204.174)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.195.023.223	4.411.129.067
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(10.243.210)	(718.079.317)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(119.583.500.915)	(7.853.060.637)
06	- Chi phí lãi vay		40.179.662.969	2.638.806.713
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		440.662.690.437	141.739.847.130
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(202.487.025.072)	(135.628.936.025)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(654.669.410.256)	(13.601.107.303)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.123.402.315.849	170.624.477.104
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(9.192.112.762)	(115.190.146)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.753.468.399)	(2.323.426.693)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(90.793.376.534)	(42.723.038.381)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(814.654.422)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		585.169.613.263	117.157.971.264
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(629.600.576.996)	(276.335.362.333)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.380.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(839.700.000.000)	(32.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		635.000.000.000	72.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(208.358.320.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		529.855.200.000	225.432.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		92.797.424.453	6.299.052.458
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(415.626.272.543)	(5.104.309.875)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		583.060.000.000	321.317.022.866
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(490.126.793.598)	(137.040.127.700)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(402.600.359.547)	(300.184.478.601)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(309.667.153.145)	(115.907.583.435)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(140.123.812.425)	(3.853.922.046)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/12/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2019	Từ 01/04/2018
			đến 31/12/2019	đến 31/12/2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		194.948.804.389	42.258.301.290
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		285.202	335.392.737
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	54.825.277.166	38.739.771.981

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Trà

Phùng Thị Thu Hương

Đỗ Hữu Hạ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/12/2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.629.940.140.000 đồng; Tương đương 362.994.014 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khách; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Trong kỳ, Dự án Hoàng Huy Riverside đã nghiệm thu, bàn giao cho khách hàng dẫn tới Doanh thu bán hàng, Giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng và Thành phẩm bất động sản của Công ty tăng mạnh so với kỳ trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Hà Nội	Số 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
Địa điểm kinh doanh số 1	Km 9 Quốc lộ 5 mới, Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	Sản xuất thùng xe tải
Địa điểm kinh doanh số 2	Số 183 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Kinh doanh bất động sản và thương mại

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	30 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	08 năm

2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	không trích khấu hao

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty thực hiện kế toán cho BCC, ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình.

2.14. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.18. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí xây dựng cơ bản dở dang... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.20. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, Công ty tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu) và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

2.21. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi) phát sinh khi Công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trừ đi giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.22. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm Doanh thu cho thuê nhà xưởng và tài sản cố định khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.24. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% với hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2019 đến ngày 30/09/2019.

2.26. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/04/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2.732.846.550	10.066.603.779
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.092.430.616	184.882.200.610
	54.825.277.166	194.948.804.389

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2019		01/04/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	503.700.000.000	-	299.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	503.700.000.000	-	299.000.000.000	-
	503.700.000.000	-	299.000.000.000	-

(*) Tại ngày 30/09/2019, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng có giá trị 503.700.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,3%/năm đến 7,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/04/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	1.707.767.970.000		1.499.409.650.000	
- Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	1.009.409.650.000	-	1.009.409.650.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	249.184.000.000	-	249.184.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	240.816.000.000	-	240.816.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tô Hiệu ⁽¹⁾	208.358.320.000	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	1.220.850.901.970		1.738.850.901.970	
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu ⁽²⁾	-	-	266.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	134.400.000.000	-	134.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	312.000.000.000	-	312.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang ⁽³⁾	-	-	252.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	774.450.901.970	-	774.450.901.970	-
	2.928.618.871.970	-	3.238.260.551.970	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch mua, bán cổ phần của các công ty con và công ty liên kết như sau:

- ⁽¹⁾ Thực hiện Nghị quyết số 10/2019/NĐ-HĐQT ngày 01/10/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã thực hiện mua 9.998.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Tô Hiệu từ các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 99.980.000.000 đồng, giá phí 208.358.320.000 đồng.
- ⁽²⁾ Thực hiện Nghị quyết số 10/2019/NĐ-HĐQT ngày 01/10/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu cho bên mua với giá bán là 10.350 đồng/cổ phần.
- ⁽³⁾ Thực hiện Nghị quyết số 09/2019/NĐ-HĐQT ngày 01/07/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Vinh Quang cho bên mua với giá bán là 10.101 đồng/cổ phần.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/09/2019 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Thành phố Hà Nội	99,997%	99,997%	Đầu tư bất động sản
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	Thành phố Hải Phòng	96,33%	96,33%	Đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	Thành phố Hải Phòng	95,84%	95,84%	Đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Tô Hiệu	Thành phố Hải Phòng	99,98%	99,98%	Đầu tư xây dựng

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 30/09/2019 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, kinh doanh bất động sản.
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản.
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	40,24%	40,24%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/04/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thương mại Hồng Sơn Star Đà Nẵng	1.415.940.000	-	670.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	-	-	8.670.715.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	-	-	33.945.500.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	-	-	6.318.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Phương Bắc - HA	2.794.700.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Ô tô Hoàng Long	5.252.072.725	-	-	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Phúc Hưng	5.284.000.000	-	-	-
- Khách hàng mua bất động sản	39.855.446.010	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.130.159.425	-	2.536.967.625	-
	55.732.318.160	-	52.141.182.625	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	13.442.222	-	48.958.032.500	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/04/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần CDC Hà Nội	18.084.419.474	-	28.172.212.016	-
- Công ty Cổ phần Nam Hoàng Việt	-	-	23.407.736.928	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	10.735.182.418	-	14.658.641.220	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	-	-	4.778.402.010	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế HD	-	-	8.753.857.605	-
- Công ty TNHH Thành Trung	15.565.112.623	-	4.857.526.221	-
- Công ty TNHH Thi công Đá tự nhiên Nam Sơn	7.450.083.610	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bạch Đằng 7	2.490.691.938	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Trường Hưng Thịnh	32.368.326.800	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Exsmart Huy Hoàng	2.726.013.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Quốc tế Trường Phát	6.202.476.587	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán khác	15.484.609.744	-	5.474.497.083	-
	111.106.916.194	-	90.102.873.083	-

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/04/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về dự lãi tiền gửi	15.257.161.643	-	331.669.862	-
- Phải thu Trung tâm phát triển quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng ⁽¹⁾	2.979.498.272	-	6.000.000.000	-
- Phải thu Trung tâm phát triển quỹ đất Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng ⁽²⁾	150.275.201.285	-	-	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp tiền ứng trước thực hiện Dự án HH3-HH4 ⁽³⁾	194.378.605.000	-	194.378.605.000	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	23.446.782.030	-	-	-
	386.337.248.230	-	200.710.274.862	-

⁽¹⁾ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời phục vụ Dự án Đầu tư Cải tạo, Xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Kinh phí này sẽ được Trung tâm Phát triển Quỹ đất hoàn trả cho Công ty sau khi Kho bạc Nhà nước giải ngân kinh phí cho Trung tâm phát triển quỹ đất theo phương án đã được phê duyệt.

⁽²⁾ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời phục vụ Dự án Hoàng Huy Commerce cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng. Kinh phí này sẽ được giảm trừ vào tiền sử dụng đất của các dự án khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt phê duyệt.

⁽³⁾ Xem chi tiết tại Thuyết minh số 19.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/04/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	765.804.800	-	765.947.200	-
- Thành phẩm (*)	1.633.125.169.774	-	47.122.328.225	-
- Hàng hóa	258.980.561.698	-	31.485.993.879	-
- Hàng gửi bán	1.471.227.361	-	107.417.981.034	-
	1.894.342.763.633	-	186.792.250.338	-

(*) Chi tiết Thành phẩm

	31/12/2019		01/04/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thành phẩm Xe đầu kéo Mỹ	1.017.962.412.150	-	47.122.328.225	-
Thành phẩm Bất động sản	615.162.757.624	-	-	-
	1.633.125.169.774	-	47.122.328.225	-

9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2019	01/04/2019
	VND	VND
- Dự án bất động sản đang triển khai	438.314.236.393	789.697.303.429
+ Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi ⁽¹⁾	95.989.410.350	95.522.872.791
+ Dự án Bất động sản Hoàng Huy Riverside tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng ⁽²⁾	53.884.620.066	629.118.957.635
+ Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình ⁽³⁾	20.168.376.191	17.876.291.441
+ Dự án Hoàng Huy Mall tại Phường Kênh Dương, Phường Vĩnh Niệm, Hải Phòng ⁽⁴⁾	250.391.370.610	38.623.001.614
+ Dự án cải tạo chung cư cũ HH1, HH2 Đồng Quốc Bình ⁽⁵⁾	13.550.821.154	2.552.817.120
+ Dự án đầu tư khác	4.329.638.022	6.003.362.828
	438.314.236.393	789.697.303.429

(1) Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi tại Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) số 01/2017/HĐBT ngày 05/04/2017 với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: UBND Thành phố Hải Phòng (đại diện ký kết hợp đồng là Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng);
- Tổng mức đầu tư dự án: 109.627.000.000 đồng;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai từ tháng 04/2017 và đã hoàn thành;
- Quỹ đất BT đã bàn giao để thanh toán:
Khu đất nằm trên địa bàn phường Kênh Dương, quận Lê Chân có diện tích 30.062 m² đã được Công ty nhận bàn giao xây dựng Dự án đầu tư xây dựng Hoàng Huy Mall;
- Tình trạng dự án đến 31/12/2019: Dự án đã bàn giao 2 tòa nhà 6 tầng và 126 căn hộ, khu sân chơi và trồng cây xanh để Sở Xây dựng đưa vào sử dụng và tái định cư trở lại cho các hộ dân. Thời gian bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng là tháng 1-2/2018. Đã quyết toán với Thành phố và ghi thu ghi chi tại QĐ số 986/QĐ-UBND ngày 25/4/19 số tiền: 101.221.533.000đ.

(2) Dự án Bất động sản Hoàng Huy Riverside tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng phê duyệt chủ trương theo Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 16/03/2018 với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.064.000.000.000 đồng;
- Quyền sử dụng đất: Dự án được xây dựng trên quỹ đất BT đối ứng của Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình tại số 1 và số 8 đường Chi Lăng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng. Giá trị quyền sử dụng đất đã được ghi nhận vào Dự án là 194.378.605.000 đồng;
- Phương thức thực hiện dự án: hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (Xem thêm thuyết minh số 19);
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai từ quý I/2018 và dự kiến hoàn thành vào quý I/2020;
- Tình trạng dự án đến 31/12/2019: Dự án đã cơ bản hoàn thành và đang bàn giao cho người mua nhà.

(3) Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình (tên đầy đủ Dự án cải tạo chung cư cũ xuống cấp nguy hiểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng - Công trình Goldenland 5, xây dựng chung cư HH3-HH4 phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền) tại Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: UBND Thành phố Hải Phòng (đại diện ký kết hợp đồng là Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng);
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.712.263.286.000 đồng;
- Doanh nghiệp Dự án: Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai vào ngày 05/03/2018 và dự kiến hoàn thành sau 24 tháng kể từ ngày mặt bằng đã được đền bù, giải phóng và bàn giao cho nhà đầu tư;
- Tình trạng dự án đến 31/12/2019: Dự án đang thi công hoàn thiện tòa nhà và lắp đặt thiết bị, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật. Dự kiến sẽ hoàn thành Quý II năm 2020. Một phần Dự án đã được thực hiện và ghi nhận tại Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp số tiền 858.546.923.781 đồng.

(4) Dự án đầu tư xây dựng Hoàng Huy Mall tại phường Kênh Dương, Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 16/03/2018 và Quyết định giao đất số 932/QĐ-UBND ngày 19/04/2019 với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Tổng mức đầu tư dự án: 605.045.863.000 đồng;
- Quyền sử dụng đất: Dự án được xây dựng trên quỹ đất BT đối ứng của Dự án cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu chuẩn bị đầu tư từ quý I/2018 và dự kiến hoàn thành vào quý I/2021;
- Tình trạng dự án đến 31/12/2019: Dự án đã thi công xong toàn bộ phần thô các khu nhà liền kề. Đang tiến hành hoàn thiện.

(5) Dự án cải tạo chung cư cũ HH1, HH2 Đồng Quốc Bình (tên đầy đủ Dự án cải tạo chung cư cũ xuống cấp nguy hiểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng - Công trình Goldenland 5, xây dựng chung cư HH1-HH2 phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền) tại Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) với các thông tin chi tiết sau:

- Chủ đầu tư: Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng (đại diện ký kết hợp đồng là Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng);
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.200.649.000.000 đồng;
- Thời gian thực hiện: Dự án bắt đầu thực hiện triển khai vào ngày 20/02/2019 và dự kiến hoàn thành sau 24 tháng kể từ ngày mặt bằng đã được đền bù, giải phóng và bàn giao cho nhà đầu tư;
- Tình trạng dự án đến 31/12/2019: Dự án đang tiến hành thi công phần ngầm.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	40.629.493.601	2.210.114.096	12.772.910.636	954.885.771	75.909.500	56.643.313.604
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.904.632.000)	-	-	(4.904.632.000)
Số dư cuối kỳ	40.629.493.601	2.210.114.096	7.868.278.636	954.885.771	75.909.500	51.738.681.604
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	22.353.707.465	2.210.114.096	7.321.727.076	778.475.242	75.909.500	32.739.933.379
- Khấu hao trong kỳ	1.378.276.988	-	696.908.815	82.823.864	-	2.158.009.667
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(530.016.681)	-	-	(530.016.681)
Số dư cuối kỳ	23.731.984.453	2.210.114.096	7.488.619.210	861.299.106	75.909.500	34.367.926.365
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	18.275.786.136	-	5.451.183.560	176.410.529	-	23.903.380.225
Tại ngày cuối kỳ	16.897.509.148	-	379.659.426	93.586.665	-	17.370.755.239
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						10.268.293.626

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
Số dư cuối kỳ	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.305.653.875	111.896.190	3.417.550.065
- Khấu hao trong kỳ	149.127.241	-	149.127.241
Số dư cuối kỳ	3.454.781.116	111.896.190	3.566.677.306
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	52.911.835.825	-	52.911.835.825
Tại ngày cuối kỳ	52.762.708.584	-	52.762.708.584

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 VND

(*) Quyền sử dụng đất tại Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Km9, Quốc lộ 5 Xã Nam Sơn, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng phân bổ trong vòng 360 tháng và Quyền sử dụng đất lâu dài tại 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất ⁽¹⁾ VND	Nhà cửa, vật kiến trúc ⁽¹⁾ VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	195.000.000.000	76.141.197.992	271.141.197.992
Số dư cuối kỳ	195.000.000.000	76.141.197.992	271.141.197.992
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	18.632.126.530	18.632.126.530
- Khấu hao trong kỳ	-	1.887.886.315	1.887.886.315
Số dư cuối kỳ	-	20.520.012.845	20.520.012.845
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	195.000.000.000	57.509.071.462	252.509.071.462
Tại ngày cuối kỳ	195.000.000.000	55.621.185.147	250.621.185.147

- Nguyên giá Bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê: 5.848.584.797 VND

⁽¹⁾ Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 183 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và một phần nhà cửa, phân xưởng cho thuê tại Thành phố Hải Phòng theo phương thức cho thuê thu tiền hàng năm.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/04/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tiền thuế đất	143.535.068	-
- Chi phí quảng cáo, môi giới dự án Hoàng Huy Riverside	9.729.486.785	-
	9.873.021.853	-
b) Dài hạn		
- Chi phí quảng cáo, môi giới dự án Hoàng Huy Riverside	-	680.909.091
	-	680.909.091

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/04/2019		Trong kỳ		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	19.711.154.398	19.711.154.398	583.060.000.000	445.311.154.398	157.460.000.000	157.460.000.000
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	19.711.154.398	19.711.154.398	264.000.000.000	283.711.154.398	-	-
+ Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	-	161.600.000.000	161.600.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát ⁽¹⁾	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt ⁽²⁾	-	-	57.460.000.000	-	57.460.000.000	57.460.000.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	44.815.639.200	44.815.639.200	-	44.815.639.200	-	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	44.815.639.200	44.815.639.200	-	44.815.639.200	-	-
	64.526.793.598	64.526.793.598	583.060.000.000	490.126.793.598	157.460.000.000	157.460.000.000
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	44.815.639.200	44.815.639.200	-	44.815.639.200	-	-
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	44.815.639.200	44.815.639.200	-	44.815.639.200	-	-
	44.815.639.200	44.815.639.200	-	44.815.639.200	-	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(44.815.639.200)	(44.815.639.200)	-	(44.815.639.200)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	-	-

a) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 13.9.2019/TP-TCH ngày 13/09/2019 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 100.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư, xây dựng;
- + Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: 7,5%/năm;
- + Phương thức đảm bảo: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2019 là: 100.000.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 30/9/2019/HV-TCH ngày 30/09/2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 57.460.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư, xây dựng;
- + Thời hạn vay: 6 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: 7,5%/năm;
- + Phương thức đảm bảo: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2019 là: 57.460.000.000 đồng.

b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2019		01/04/2019	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay		157.460.000.000	3.264.312.329	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	Công ty con	100.000.000.000	2.178.082.192	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	57.460.000.000	1.086.230.137	-	-
		157.460.000.000	3.264.312.329	-	-

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/04/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Xây dựng Lê Quân	348.537.620	348.537.620	348.537.620	348.537.620
- Công ty TNHH Xây dựng và Công nghiệp Minh Long	694.914.000	694.914.000	710.509.800	710.509.800
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Quốc tế Trường Phát	-	-	12.278.884.117	12.278.884.117
- Công ty TNHH Austdoor Miền Nam	2.090.196.598	2.090.196.598	-	-
- Công ty Cổ phần Nam Hoàng Việt	2.918.683.342	2.918.683.342	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	2.841.376.005	2.841.376.005	614.691.152	614.691.152
	8.893.707.565	8.893.707.565	13.952.622.689	13.952.622.689

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/04/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	-	780.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	-	5.785.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Xe tải Quốc tế	1.994.000.000	5.149.139.800
- Khách hàng ứng trước tiền mua bất động sản theo tiến độ	391.182.539.172	191.935.130.471
- Công ty TNHH MTV Ô tô Hùng Anh	17.292.233	981.397.566
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	2.215.999.999	1.438.720.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	3.441.776.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	17.926.000.000	-
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	6.609.407.985	4.370.497.000
	423.387.015.389	210.439.884.837
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)	23.583.775.999	7.223.720.000

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	172.843.256.833	149.396.474.803	-	23.446.782.030
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	67.502.586.345	56.337.452.045	-	11.165.134.300
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.381.387.256	88.600.040.886	90.793.376.534	-	1.188.051.608
- Thuế thu nhập cá nhân	-	32.577.907	20.691.987.467	20.707.083.508	-	17.481.866
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	186.815.321.864	187.090.644.497	275.322.633	-
- Các loại thuế khác	5.000.000	-	752.992.887	747.992.887	-	-
	5.000.000	3.413.965.163	537.206.186.282	505.073.024.274	275.322.633	35.817.449.804

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/04/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	3.264.312.329	-
- Trích trước chi phí xây dựng dự án Hoàng Huy Riverside (*)	126.176.833.860	-
- Chi phí phải trả khác	2.991.894.929	3.063.194.929
	132.433.041.118	3.063.194.929
b) Chi phí phải trả với bên liên quan	3.264.312.329	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

(*) Các khoản chi phí xây dựng cơ bản đã thực tế phát sinh nhưng chưa có đủ hồ sơ, chứng từ để nghiệm thu khối lượng được trích trước theo hồ sơ quyết toán tạm tính, trích trước theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng nếu chưa có hồ sơ quyết toán tạm tính để tạm tính giá vốn thành phẩm bất động sản.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/04/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	-	28.340.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	129.223.413	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.128.155.443.350	194.378.605.000
+ Nhận tiền thanh toán lần một Dự án HH3, HH4 ⁽¹⁾	194.378.605.000	194.378.605.000
+ Nhận tiền thanh toán lần một Dự án U1, U2, U3 Lê Lợi ⁽²⁾	101.221.533.000	-
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB - Chi nhánh Hải Phòng ⁽³⁾	771.334.651.088	-
+ Lợi nhuận phân chia cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy ⁽⁴⁾	60.153.854.262	-
+ Phải trả khác	1.066.800.000	-
	1.128.284.666.763	194.406.945.000
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.134.102.246	670.788.246
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	499.893.034.003	499.893.034.003
+ Nhận tiền góp vốn kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy ⁽⁴⁾	499.706.000.000	499.706.000.000
+ Các khoản phải trả phải nộp khác	187.034.003	187.034.003
	504.027.136.249	500.563.822.249
c) Phải trả khác là các bên liên quan	559.859.854.262	499.706.000.000

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

(1) Theo Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 01/02/2019, UBND Thành phố Hải Phòng phân bổ chi tiết dự toán ghi thu tiền sử dụng đất Dự án Hoàng Huy Riverside và ghi chi thanh toán lần một Dự án Goldenland 5, xây dựng chung cư HH3, HH4 năm 2019 số tiền là 194.378.605.000 đồng. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã được thanh toán lần một Dự án HH3, HH4 số tiền 194.378.605.000 đồng (đối ứng với tiền sử dụng đất tại Dự án Hoàng Huy Riverside Công ty phải trả). Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã chuyển số tiền được thanh toán trên cho Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp, là Doanh nghiệp Dự án thực hiện Dự án HH3, HH4 (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 7).

(2) Theo Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 25/04/2019, UBND Thành phố Hải Phòng phân bổ chi tiết dự toán ghi thu tiền sử dụng đất Dự án đầu tư xây dựng Hoàng Huy Mall tại phường Kênh Dương, quận Lê Chân và ghi chi thanh toán Dự án BT đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, quận Ngô Quyền năm 2019, số tiền là 101.221.533.000 đồng.

(3) Khoản phải trả Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng về dịch vụ thanh toán "L/C trả chậm - Thanh toán trả ngay": Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng sẽ thực hiện chấp nhận thanh toán đến Ngân hàng đại lý, Ngân hàng đại lý sẽ thương lượng để thanh toán trả ngay cho nhà cung cấp nước ngoài với tất cả các chi phí do Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy thanh toán. Thời hạn trả chậm của L/C tối đa là 180 ngày.

(4) Nhận góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 168/HTKD ngày 16/08/2017 và Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01PL/168 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: hợp tác kinh doanh Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình và Dự án đầu tư xây dựng Hoàng Huy Riverside;
- Các bên tham gia và tỷ lệ góp vốn:
 - + Tổng mức đầu tư dự tính của các dự án là hơn 2.800 tỷ đồng;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) góp 500 tỷ đồng bằng tiền;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) góp phần còn lại bằng tiền, quyền khai thác dự án, quyền sử dụng đất tại các dự án. Đồng thời, Công ty (TCH) là đơn vị chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho Hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Trách nhiệm của các bên:
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) có trách nhiệm góp đủ số vốn cam kết theo tiến độ do Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) thông báo;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục pháp lý để thực hiện dự án, điều hành mọi hoạt động của dự án, quyết định giá bán sản phẩm, điều hành mọi hoạt động của dự án, nộp thuế và chịu mọi rủi ro nếu dự án bị lỗ, chuyển lợi nhuận và hoàn trả vốn góp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) theo quy định của hợp đồng;
- Phân chia kết quả: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) được hưởng 25% lợi nhuận sau thuế của dự án Hoàng Huy Riverside hàng năm, phần còn lại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) được hưởng; Lợi nhuận Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) được hưởng trong kỳ là 60.153.854.262 đồng;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy được quyền ưu tiên mua lại một phần hoặc toàn bộ các sản phẩm của dự án Hoàng Huy Riverside để thực hiện đầu tư, phân phối sản phẩm tới người tiêu dùng.

(Xem thêm thông tin tại Thuyết minh số 9).

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/04/2019
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản	1.190.823.784	1.821.386.253
	1.190.823.784	1.821.386.253

21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

- Tên trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi loại A 2019 Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;
- Mã trái phiếu: TCH_TPCD2019_A;
- Mục đích: Tăng quy mô vốn hoạt động để đảm bảo nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án hiện có của Công ty;
- Ngày phát hành: 22/03/2019;
- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi có tài sản đảm bảo, không kèm theo chứng quyền;
- Mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu, tổng giá trị phát hành là 598.808.000.000 đồng;
- Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm kể từ ngày phát hành;
- Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi trái phiếu được trả sau. Định kỳ thanh toán: 03 tháng một lần, vào ngày cuối cùng của mỗi Kỳ trả lãi;
- Lãi suất coupon: 5%/năm;
- Tiền lãi phải trả: Mệnh giá trái phiếu nắm giữ trong kỳ trả lãi * 5% * Số ngày thực tế nắm giữ trái phiếu trong kỳ tính lãi đó/365 * Tỷ giá VND/USD tại ngày thanh toán lãi tại Shinhan bank/23.120;
- Lợi suất đến ngày đáo hạn: Ngoài việc thanh toán lãi phát sinh từ lãi suất coupon, Công ty sẽ thanh toán số tiền lợi suất tính trên khoản tiền đến hạn thanh toán ("YTM") khi đáo hạn trái phiếu. Với mục đích này, YTM sẽ bằng 2% mỗi năm trên trái phiếu được tích lũy cho đến ngày thanh toán YTM. YTM sẽ không được thanh toán cho các Trái phiếu đã được chuyển đổi theo các điều khoản và điều kiện;
- Giá chuyển đổi: cho đợt phát hành thứ nhất là 16.550 đồng/ cổ phiếu chuyển đổi;
- Tỷ lệ chuyển đổi: = M/P
Trong đó:
M là mệnh giá của một trái phiếu và bằng 1.000.000 đồng;
P là giá chuyển đổi có hiệu lực tại thời điểm chuyển đổi;
- Thời hạn chuyển đổi: Đợt 1 tối thiểu lớn hơn hoặc bằng (>=) 33,3% tổng số trái phiếu chuyển đổi lưu hành trong vòng 03 tháng liên tục từ ngày làm việc sau 12 tháng kể từ ngày phát hành, đợt 2 chuyển đổi tích lũy tối thiểu lớn hơn hoặc bằng (>=) 66,7% tổng số trái phiếu chuyển đổi lưu hành thành cổ phần trong vòng 09 tháng liên tục từ ngày cuối cùng của đợt 1, đợt 3 từ ngày cuối cùng của đợt 2 cho tới ngày cuối cùng của thời hạn chuyển đổi; Chủ sở hữu trái phiếu chỉ được chuyển đổi một lần duy nhất trong mỗi đợt;
- Công ty đã áp dụng mức lãi suất là 9%/năm để chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại. Từ đó, xác định ra giá trị cấu phần vốn của trái phiếu (quyền chọn cổ phiếu thuộc phần vốn chủ sở hữu). Mức lãi suất này được Công ty xác định căn cứ theo mức lãi suất cho vay tín chấp bình quân trung hạn của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long, là ngân hàng giao dịch thường xuyên với Công ty. Theo đó:

	Ghi nhận ban đầu	31/12/2019	01/04/2019
		VND	VND
Trái phiếu chuyển đổi TCH_TPCD2019_A			
- Giá trị phần nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	554.437.314.002	569.506.204.993	554.065.349.002
- Chi phí phát hành trái phiếu đã giảm trừ vào nợ gốc trái phiếu	(371.965.000)	(278.973.750)	-
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	44.370.685.998	44.370.685.998	44.370.685.998

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	3.629.940.140.000	-	(219.996.488.178)	528.816.134.345	3.938.759.786.167
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	95.376.154.092	95.376.154.092
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(300.280.829.400)	(300.280.829.400)
Số dư cuối kỳ trước	3.629.940.140.000	-	(219.996.488.178)	323.911.459.037	3.733.855.110.859
Số dư đầu kỳ này	3.629.940.140.000	44.370.685.998	(219.996.488.178)	391.732.937.256	3.846.047.275.076
Lãi trong kỳ này	-	-	-	427.281.707.484	427.281.707.484
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(402.729.582.960)	(402.729.582.960)
Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh (**)	-	-	-	(60.153.854.262)	(60.153.854.262)
Số dư cuối kỳ này	3.629.940.140.000	44.370.685.998	(219.996.488.178)	356.131.207.518	3.810.445.545.338

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 06 năm 2019; Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2019/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 và tạm ứng chi trả cổ tức năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Chi trả cổ tức năm 2018	6,9%	243.757.379.160
Tạm ứng cổ tức năm 2019	4,5%	158.972.203.800

(**) Xem chi tiết tại Thuyết minh số 19 (4).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Ông Đỗ Hữu Hạ	1.510.836.250.000	41,62%	1.510.836.250.000	41,62%
Ông Đỗ Hữu Hậu	181.500.000.000	5,00%	181.500.000.000	5,00%
Cổ đông khác	1.840.379.390.000	50,70%	1.840.379.390.000	50,70%
Cổ phiếu quỹ mua lại của các cổ đông	97.224.500.000	2,68%	97.224.500.000	2,68%
	3.629.940.140.000	100%	3.629.940.140.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
- Vốn góp cuối kỳ	3.629.940.140.000	3.629.940.140.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/04/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	362.994.014	362.994.014
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>362.994.014</i>	<i>362.994.014</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.722.450	9.722.450
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.722.450</i>	<i>9.722.450</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	353.271.564	353.271.564
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>353.271.564</i>	<i>353.271.564</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2019, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2019	01/04/2019
	VND	VND
- <i>Từ 1 năm trở xuống</i>	<i>4.913.322.346</i>	<i>5.818.721.799</i>
- <i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	<i>5.931.979.422</i>	<i>5.880.409.834</i>
- <i>Trên 5 năm</i>	<i>2.531.454.545</i>	<i>3.201.545.455</i>

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Hải Phòng để phục vụ sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

Lô đất	Mục đích	Diện tích	Thời hạn thuê
Lô đất tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Xây dựng nhà máy sản xuất động cơ, khung, phụ tùng và lắp ráp xe gắn máy hai bánh	25.828,2 m ²	Từ năm 2003 đến năm 2033
Lô đất tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Xây dựng văn phòng điều hành và cửa hàng giới thiệu sản phẩm	19.875,3 m ²	Từ năm 2002 đến năm 2032

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2019	01/04/2019
- Đô la Mỹ	USD	96.520,96	225.644,72
- Euro	EUR	8,95	8,95

24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.635.850.544	2.941.569.623
Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện thu hồi	490.139.272.708	511.558.202.151
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.635.747.903	13.239.668.639
Doanh thu bán bất động sản	763.682.576.358	-
	1.271.093.447.513	527.739.440.413

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

278.579.043.295 **444.040.278.424**

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.747.849.239	2.196.515.966
Giá vốn của ô tô đầu kéo Mỹ đã bán và linh kiện thu hồi	337.455.046.155	367.677.675.084
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.858.606.801	6.882.574.657
Giá vốn bán bất động sản	437.718.345.415	-
	786.779.847.610	376.756.765.707

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.725.106.234	5.621.060.637
Lãi bán các khoản đầu tư	11.855.200.000	2.232.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	72.997.810.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	208.555.556
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	10.243.225	718.087.533
	119.588.359.459	8.779.703.726

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

83.868.097.671 **-**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.371.309.141	2.638.806.713
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	47.923.627
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	15	8.216
Lãi trái phiếu và phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	32.808.353.828	-
Phí dịch vụ thanh toán "L/C trả chậm - Thanh toán trả ngay"	5.872.773.740	-
	46.052.436.724	2.686.738.556

Trong đó: Chi phí tài chính đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

	3.264.312.329	-
--	---------------	---

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.834.000	-
Chi phí nhân công	4.958.100.922	2.801.620.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.616.046	41.077.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.705.916.027	2.219.474.338
Chi phí khác bằng tiền	3.142.514.311	90.767.681
	29.872.981.306	5.152.939.426

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.660.787.602	-
Chi phí nhân công	2.061.852.062	4.318.041.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.160.308.104	2.317.283.585
Thuế, phí, và lệ phí	551.410.669	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.667.805.571	4.412.094.227
Chi phí khác bằng tiền	2.291.197.135	1.539.617.805
	14.393.361.143	12.587.036.992

30. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	5.384.681	-
Tài sản, hàng hoá nhận biếu, tặng từ Navistar	2.366.245.344	5.906.710.247
Thu nhập khác	43.204.276	6.831.176
	2.414.834.301	5.913.541.423

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	215.393.971.646	143.261.051.304
Các khoản điều chỉnh tăng	116.266.058	1.165.231.600
- Chi phí không hợp lệ	116.266.058	1.165.231.600
Các khoản điều chỉnh giảm	(72.997.810.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(72.997.810.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	142.512.427.704	144.426.282.904
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	28.502.485.541	28.885.256.581
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này		
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	3.381.387.256	6.943.698.084
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(81.054.272.483)	(25.661.395.344)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh chính	(49.170.399.686)	10.167.559.321
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	300.487.776.724	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	300.487.776.724	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	60.097.555.345	-
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	(9.739.104.051)	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản	50.358.451.294	-
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	88.600.040.886	28.885.256.581
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.188.051.608	10.167.559.321

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.202.900.529.650	381.411.179.136
Chi phí nhân công	8.245.374.684	7.538.428.718
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.085.757.165	4.411.129.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.166.727.453	7.631.568.565
Chi phí khác bằng tiền	6.074.936.705	3.638.647.894
	1.255.473.325.657	404.630.953.380

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/04/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.825.277.166	-	194.948.804.389	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	442.069.566.390	-	252.851.457.487	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	503.700.000.000	-	299.000.000.000	-
	1.000.594.843.556	-	746.800.261.876	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/04/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	157.460.000.000	64.526.793.598
Phải trả người bán, phải trả khác	1.641.205.510.577	708.923.389.938
Chi phí phải trả	132.433.041.118	3.063.194.929
	1.931.098.551.695	776.513.378.465

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.825.277.166	-	-	54.825.277.166
Phải thu khách hàng, phải thu khác	442.069.566.390	-	-	442.069.566.390
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	503.700.000.000	-	-	503.700.000.000
	1.000.594.843.556	-	-	1.000.594.843.556
Tại ngày 01/04/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.948.804.389	-	-	194.948.804.389
Phải thu khách hàng, phải thu khác	252.851.457.487	-	-	252.851.457.487
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	299.000.000.000	-	-	299.000.000.000
	746.800.261.876	-	-	746.800.261.876

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	157.460.000.000	-	-	157.460.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.137.178.374.328	504.027.136.249	-	1.641.205.510.577
Chi phí phải trả	132.433.041.118	-	-	132.433.041.118
	1.427.071.415.446	504.027.136.249	-	1.931.098.551.695

Tại ngày 01/04/2019

Vay và nợ	64.526.793.598	-	-	64.526.793.598
Phải trả người bán, phải trả khác	208.359.567.689	500.563.822.249	-	708.923.389.938
Chi phí phải trả	3.063.194.929	-	-	3.063.194.929
	275.949.556.216	500.563.822.249	-	776.513.378.465

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh bất động sản	Bán xe đầu kéo Mỹ	Hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	763.682.576.358	490.139.272.708	17.271.598.447	1.271.093.447.513
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	325.964.230.943	152.684.226.553	5.665.142.407	484.313.599.903
Tài sản bộ phận	1.558.986.505.783	1.295.035.914.176	250.621.185.147	3.104.643.605.106
Tài sản không phân bổ				3.666.660.608.210
Tổng tài sản	1.558.986.505.783	1.295.035.914.176	250.621.185.147	6.771.304.213.316
Nợ phải trả của các bộ phận	2.001.102.302.165	803.539.127.304		2.804.641.429.469
Nợ phải trả không phân bổ				156.217.238.509
Tổng nợ phải trả	2.001.102.302.165			2.960.858.667.978

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 14)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/04/2018 đến 31/12/2018
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		278.579.043.295	444.040.278.424
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu (Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 09/10/2019)	Công ty liên kết (đã thoái hết vốn)	78.704.090.904	74.938.636.355
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	73.029.985.991	82.803.636.364
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	5.859.203.180	34.227.269.355
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang (từ ngày 01/04/2019 đến ngày 14/08/2019)	Công ty liên kết (đã thoái hết vốn)	9.163.636.362	30.103.636.364
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng (từ ngày 01/04/2018 đến 08/08/2018)	Công ty liên kết (đã thoái hết vốn)	-	29.472.727.268
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	65.330.909.099	87.954.545.453
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	60.000.000	6.754.545.454
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp (từ ngày 01/04/2019 đến ngày 15/05/2019)	Khoản đầu tư của công ty con (đã thoái hết vốn)	5.433.090.909	47.408.009.085
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	40.609.090.905	49.831.818.181
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	Công ty con	72.727.273	436.363.636
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	Công ty con	72.727.273	109.090.909
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Công ty con của công ty liên kết	243.581.400	-
Doanh thu tài chính		83.868.097.671	-
Bà Trần Thị Hoàng Hà - Lãi bán khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Phó Tổng Giám đốc	1.212.000.000	-
Bà Trần Thị Hoàng Hà - Lãi bán khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Phó Tổng Giám đốc	9.310.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt - Tiền cổ tức	Công ty con	72.997.810.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp - Lãi cho vay	Công ty con	348.287.671	-
Chi phí tài chính		3.264.312.329	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	Công ty con	2.178.082.192	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	1.086.230.137	-
Bán tài sản cố định		5.384.681	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	5.384.681	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/04/2019
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		13.442.222	48.958.032.500
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu (Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 09/10/2019)	Công ty liên kết (đã thoái hết vốn)	-	8.670.715.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	-	33.945.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	-	23.817.500
Công ty TNHH Prukca Việt Nam		13.442.222	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	-	6.318.000.000
Phải thu khác ngắn hạn		194.378.605.000	194.378.605.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	Công ty con	194.378.605.000	194.378.605.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		23.583.775.999	7.223.720.000
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu (Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 09/10/2019)	Công ty liên kết (đã thoái hết vốn)	3.441.776.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang (từ 01/04/2019 đến ngày 14/08/2019)	Công ty liên kết	-	5.785.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	17.926.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp (từ 01/04/2019 đến ngày 15/05/2019)	Khoản đầu tư của công ty con (đã thoái hết vốn)	2.215.999.999	1.438.720.000
Chi phí phải trả		3.264.312.329	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Thịnh Phát	Công ty con	2.178.082.192	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Công ty con	1.086.230.137	-
Phải trả khác		559.859.854.262	499.706.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy - Tiền góp vốn hợp tác đầu tư	Công ty liên kết	499.706.000.000	499.706.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy - Lợi nhuận hợp tác đầu tư	Công ty liên kết	60.153.854.262	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/04/2019	Từ 01/04/2018
	đến 31/12/2019	đến 31/12/2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	330.300.000	227.130.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	587.490.000	436.421.712

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán riêng và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2018 đến ngày 31/12/2018.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Trà

Phùng Thị Thu Hương

Đỗ Hữu Hạ